TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng.

Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Vy T; cư trú tại: đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* ông E Yehezkely; cư trú tại: Tel – Aviv – Jaffo, Israel (I-xra-en).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Vy T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông E Yehezkely gặp gỡ, rồi quen biết nhau khi ông đến Đà Nẵng du lịch; sau khoảng 6 tháng tìm hiểu, bà và ông E Yehezkely tự nguyện tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam; được Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05-3-2016. Kết hôn được thời gian một tháng thì giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã và cuối cùng là xô xát, đánh đập lẫn nhau; ngay sau đó (tháng 4 năm 2016) ông E Yehezkely đã bỏ đi cho đến nay không liên lạc gì với bà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E Yehezkely.

- Về con chung: bà Trần Thị Vy T xác định là bà và ông E Yehezkely không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Vy T xác định là bà và ông E Yehezkely không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông E Yehezkely không đến Tòa án tham gia tố tụng, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Vy T là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông E Yehezkely, có quốc tịch Irael; cư trú tại địa chỉ Tel – Aviv – Jaffo, Israel (I-xra-en), nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ủy thác tư pháp về dân sự cho Cơ quan có thẩm quyền của I-xra-en để tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa của Tòa án cho bị đơn ông E Yehezkely, theo địa chỉ cư trú Tel – Aviv – Jaffo, Israel (I-xra-en), theo kênh chính thức của Công ước La Hay

năm 1965 về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại; theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 của Luật Tương trợ tư pháp.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông E Yehezkely không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo thông báo của Tòa án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T; mặt khác, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất 07-9-2018 thì ông E Yehezkely không có mặt và Tòa án cũng chưa nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt của Cơ quan được ủy thác tư pháp nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông E Yehezkely, theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên sau đó Tòa án vẫn không nhận được văn bản trả lời về kết quả tống đạt cho đương sự ở nước ngoài của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 15-01-2019 để xét xử vắng mặt ông E Yehezkely, theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn ông E Yehezkely của bà Trần Thị Vy T thì thấy, mâu thuẫn giữa ông bà bắt nguồn từ việc cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên ông E Yehezkely đã rời bỏ gia đình về nước và cắt đứt mọi liên lạc với bà T, từ đó tình cảm vợ chồng của bà T đối với ông E Yehezkely ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn ông E Yehezkely của bà Trần Thị Vy T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: bà Trần Thị Vy T xác định vợ chồng ông, bà không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Trần Thị Vy T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Trần Thị Vy T phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 474, khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 của Luật tương trợ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Vy T đối với ông E Yehezkely.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Vy T được ly hôn với ông E Yehezkely.

2. Về án phí và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự:

Bà Trần Thị Vy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001241 ngày 29-11-2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Vy T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp về tống đạt văn bản tố tụng là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo biên lai số 001249 ngày 22 tháng 12

năm 2017, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp về tống đạt văn bản tố tụng.

Bà Trần Thị Vy T phải chịu chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp là 490.000 đồng (Bốn trăm chín mươi ngàn đồng), bà T đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, theo Hóa đơn bán hàng số 0069062 ngày 05-01-2018 và Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0003617 ngày 05-01-2018 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn bà Trần Thị Vy T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông E Yehezkely không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam